TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/DS-ST
Ngày: 13/8/2025
"*V/v tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Thanh

Bà Bùi Thị Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Lệ Huyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp.

Trong các ngày 07/8/2025 và 13/8/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 – Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 313/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2025, về việc "*Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 463/2025/QĐXXST-DS ngày 30/5/2025, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 51/2025/QĐST-DS ngày 17/6/2025; Thông báo mở phiên tòa số 411/TB-TA ngày 30/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-DS ngày 17/7/2025, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Hồng A, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khóm 1, Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Minh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khóm 1, phường Mỹ Trà, Đồng Tháp.

(Có mặt)

- ***Bị đơn:*** Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1980; Địa chỉ: khóm Mỹ Tây, phường Mỹ Trà, Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền: ông Trần Huỳnh V, sinh năm 1986; Địa chỉ: Khóm 1, phường Mỹ Ngãi, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Trung H, sinh năm 1962; Địa chỉ: khóm Mỹ Tây, phường Mỹ Trà, Đồng Tháp. (Vắng mặt)

2/ Bà Võ Thị Hồng H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Mình T trình bày:

Ngày 16/7/2023, bà Lê Thị Thu H có vay của ông A số tiền là 1.148.000.000 đồng (Một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu đồng) có làm biên nhận mượn tiền, lãi suất tự thoả thuận là 2%/tháng. Mục đích bà Thu H vay số tiền nêu trên sử dụng cho việc kinh doanh, thời hạn trả là 12 tháng kể từ ngày vay 16/7/2023 đến ngày 16/7/2024. Việc vay mượn này chồng bà Thu H là ông Nguyễn Trung H biết rất rõ, do vay tiền này là dùng vào việc kinh doanh của vợ chồng, ông H cũng đồng ý trả lại số tiền vay nêu trên cho ông A.

Tuy nhiên cho đến hết thời hạn vay 10 tháng ngày 16/5/2024, bà Thu H, ông H không trả cho ông A số tiền vốn và lãi theo như thoả thuận trong biên nhận. Ông A nhiều lần yêu cầu bà Thu H, ông H trả cho ông A số tiền vốn vay là 1.148.000.000 đồng và tiền lãi theo thoả thuận, nhưng bà Thu H, ông H hứa hẹn nhiều lầ vẫn không trả.

Nay ông A yêu cầu bà Lê Thị Thu H, ông Nguyễn Trung H cùng liên đới trả cho ông A số tiền vốn vay là 1.148.000.000 đồng (Một một trăm bốn mươi tám triệu đồng). Ông A yêu cầu tính lãi suất là 1,66%/tháng đối với số tiền vốn 1.148.000.000 đồng, thời gian tạm tính tiền lãi từ ngày 17/5/2024 cho đến ngày 17/4/2025 là 11 tháng, số tiền lãi là 209.624.800 đồng. Như vậy tổng số tiền vốn và lãi bà Lê Thị Thu H, ông Nguyễn Trung H phải trả cho ông A là 1.300.454.400đồng (Một tỷ ba trăm năm mươi bảy triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm đồng) và yêu cầu lãi suất 1,66%/tháng từ ngày 18/4/2025 cho đến khi kết thúc vụ kiện.

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng, thời gian từ ngày 16/7/2024 (là ngày hẹn trả theo biên nhận).

- Bị đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Bà Thu H chơi hụi và thiếu tiền bà H là mẹ vợ của A, bà H kêu bà Thu H ký biên nhận nợ, nhưng bà Thu H không xem kỹ biên nhận là bà H ghi bà Thu H thiếu tiền A, thực tế thì bà Thu H không có biết A, không có giao dịch gì với A nên yêu cầu đưa bà H vào tham gia trong vụ án để làm rõ khoản tiền. Ngoài ra, biên nhận có dấu xóa sửa, ngày làm biên nhận là ngày 16/7/2024 chứ không phải năm 2023.

Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà Thu H đồng ý trả cho ông A số tiền vốn 1.148.000.000 đồng, đồng ý trả lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, từ ngày làm biên nhận là 16/7/2024.

Không yêu cầu ông H liên đới trả tiền, vì tiền này bà Thu H tự chơi hụi, cho vay làm ăn riêng, ông H không biết.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Hồng H trình bày:

Việc A cho bà Thu H vay tiền không liên quan đến bà H, bà Thu H còn thiếu tiền hụi của bà H, nhưng nếu bà Thu H trả nợ cho A, không khởi kiện gì bà H thì bà H cũng đồng ý giữa bà H và Thu H không còn nợ nần gì nhau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung H trình bày:

Ông H và bà Thu H là vợ chồng, nhưng đã ly thân 2 năm nay. Việc bà Thu H mượn vay tiền gì của Ân để làm ăn riêng, ông H không biết, ông không có ký tên trong biên nhận nợ nên không đồng ý liên đới trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vay. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là *"tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Bị đơn có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh (nay là phường Cao Lãnh), tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Tháp) theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa, (ông H có gửi đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 11/8/2025). Do đó căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng A về việc yêu cầu bà Thu H trả tiền vay:

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng A là ông Dương Minh T yêu cầu bà Lê Thị Thu H trả số tiền vay gốc là 1.148.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất từ ngày 16/7/2024 đến ngày xét xử hôm nay là 12 tháng 27 ngày, mức lãi suất 0,83%/tháng (1.148.000.000 đồng x 0,83% x 12 tháng 27 ngày = 122.916.000 đồng (làm tròn số)). Tổng cộng vốn và lãi là: 1.148.000.000 đồng + 122.916.000 đồng = 1.270.916.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thu H là ông Trần Huỳnh V trình bày, trước đây do chưa xác định rõ các số tiền vay và hụi giữa bà Thu H và bà H nên mới yêu cầu đưa bà H tham gia tố tụng để làm rõ các khoản tiền. Nay bà H đã thống nhất nếu bà Thu H đồng ý trả tiền cho ông A thì bà Thu H và bà H không còn nợ nần gì nhau, bà Thu H cũng thống nhất theo trình bày của bà H. Do đó, tại phiên tòa, bà Thu H đồng ý trả số tiền vay vốn và lãi theo yêu cầu của ông A.

Hội đồng xét xử xét thấy, nội dung thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận. Do đó, công nhận sự thỏa thuận về việc bà Lê Thị Thu H đồng ý trả số tiền vay theo yêu cầu của ông A là: Tiền vay gốc 1.148.000.000 đồng + tiền lãi 122.916.000 đồng = 1.270.916.000 đồng.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng A yêu cầu ông Nguyễn Trung H là chồng của bà Thu H liên đới với bà Thu H trả nợ cho ông A. Theo người đại diện theo ủy quyền của ông A là ông Dương Minh T trình bày: Lí do yêu cầu vì số tiền vay này bà Thu H vay về để cho vay, làm hụi; số tiền nợ này ông H cũng biết và trước đây có hứa trả, nhưng khi khởi kiện thì ông H lại không đồng ý; hiện nay theo xác nhận của công an phường thì bà Thu H và ông H vẫn còn cư trú cùng địa chỉ, không có việc ly thân như ông H trình bày, do hai bên cũng qua lại làm ăn chung, tin tưởng nên không kêu ông H ký tên vào biên nhận nợ.

Theo trình bày của bà Thu H, đại diện theo ủy quyền là ông Trần Huỳnh V cho rằng, số tiền nợ này do bà tự làm ăn gây nợ bên ngoài, không cho ông H biết, nên không yêu cầu ông H liên đới trả nợ.

Tại văn bản ý kiến của ông H cho rằng ông không có vay tiền của ông A, ông A cho rằng mục đích vay tiền của bà Thu H để phục vụ việc kinh doanh là suy diễn, ông không có ký tên trong biên nhận nợ. Do đó, ông không đồng ý liên đới với bà Thu H trả nợ cho ông A.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

Điều 27. Trách nhiệm liên đới của vợ, chồng

1. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30 hoặc giao dịch khác phù hợp với quy định về đại diện tại các điều 24, 25 và 26 của Luật này.

2. Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới về các nghĩa vụ quy định tại Điều 37 của Luật này.

Điều 30. Quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong việc đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình

1. Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

Điều 37. Nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng

Vợ chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau đây:

1…….

2. Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình;

.....”

Đối chiếu quy định trên, bà Thu H cho rằng số tiền vay bà sử dụng riêng, không sử dụng tiền vào nhu cầu thiết yếu của gia đình, bà Thu H không yêu cầu ông H liên đới với bà Thu H trả nợ, ông H cũng không đồng ý liên đới với bà

Thu H để trả nợ. Các chứng cứ nguyên đơn xuất trình như biên nhận chỉ có chữ ký của bà Thu H. Số tiền vay này là số tiền lớn, không thể vay chỉ vì nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, ngoài ra nguyên đơn trình bày ngoài biên nhận này thì không có tài liệu, chứng cứ thể hiện ông H có biết, có đồng ý cho bà Thu H vay và có sử dụng số tiền này, nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm liên đới của ông H. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A về việc yêu cầu ông H liên đới với bà Thu H trả nợ.

[3] *Án phí:* Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do ông A không được chấp nhận một phần yêu cầu về việc liên đới nên ông A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Do bà Thu H có nghĩa vụ trả cho ông A số tiền 1.270.916.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 50.127.480 đồng.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 467, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 5, Điều 6, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm";* Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng A về việc yêu cầu bà Lê Thị Thu H trả số tiền vay vốn và lãi còn thiếu.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng A về việc yêu cầu ông Nguyễn Trung H liên đới với bà Lê Thị Thu H trả tiền vay cho ông A.

3/ Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị Thu H về việc thống nhất trả cho ông Nguyễn Hồng A số tiền vay gốc là 1.148.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 122.916.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là: 1.270.916.000 đồng (Một tỷ hai trăm bảy mươi triệu chín trăm mười sáu nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận là 0,83%/tháng.

4/ Về án phí: Bà Lê Thị Thu H phải chịu 50.127.480 đồng đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hồng A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 25.507.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003543 ngày 12/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh. Ông A được nhận lại số tiền 25.207.000 đồng.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND KV6;
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- THADS tỉnh ĐT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng